TÒA ÁN ND HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1: Bà Nguyễn Thị Trang
2. Bà Nguyễn Thị Bích Hường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư kí Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:101/2018/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị N, sinh năm 1997
Nơi cư trú: Xóm CS, xã NH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.
Dân tộc: Sán dìu; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không
(Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1990
Nơi cư trú: Xóm CS, xã NH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.
Dân tộc: Sán dìu; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không
(Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong Đơn khởi kiện ly hôn, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai cùng các văn bản tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phùng Thị N trình bày như sau:

Chị kết hôn với anh Hoàng Văn H năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TU, huyện SD, tỉnh TQ trên cơ sở tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm CS, xã NH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân: Do chị đi làm Công ty, cuối tuần mới về, hàng tháng chị vẫn gửi tiền cho bố mẹ chồng để lo cho gia đình, nhưng cứ mỗi dịp chị về thăm nhà bố mẹ chồng và chồng lại nói chị bỏ bê gia đình, không lo toan cho gia đình con cái, đi ra ngoài trai gái...Ngoài ra, trong quá trình chung sống vợ chồng anh H rất ít nói, không có tình cảm với vợ, khi chị ở nhà cũng không nói gì, khi chị đi làm Công ty cũng không hỏi thăm hay liên lạc gì. Khi chị nói muốn ly hôn thì anh H trả lời *"mày ở được thì ở không ở được thì thôi"*.

Hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của chị và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể khắc phục được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Huy V, sinh ngày 06/11/2014, hiện con đang sống cùng với anh H và bố mẹ chồng. Quan điểm của chị sau khi vợ chồng ly hôn anh H sẽ là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị sẽ cấp dưỡng cho con hàng tháng, mức cấp dưỡng bằng tiền là 1.000.000 đ (một triệu đồng)/ 1 tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện hàng tháng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại Biên bản lấy lời khai cùng các văn bản tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày như sau:

Anh kết hôn với chị Phùng Thị N năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TU, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm CS, xã NH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Khi sinh con được 01 tuổi thì chị N có xin đi làm Công ty. Thời gian đầu khoảng 1, 2 tuần chị N về thăm nhà, thăm con một lần, sau đó là khoảng 3,4 tháng mới về một lần, rồi nửa năm mới về...Từ đầu năm 2017 cho tới nay chị N về thăm nhà, thăm chồng con đúng duy nhất một lần. Từ khi đi làm chị N không có trách nhiệm gì với gia đình, chồng con. Quá trình chị N đi làm Công ty anh không gọi điện thoại, không liên lạc được với chị N do chị N chặn số của anh, sau đó là thay hẳn số điện thoại không cho anh biết.

Quan điểm của anh về việc chị N yêu cầu ly hôn: Anh không đuổi chị N đi, không bắt chị N phải bỏ anh, hiện chị N không muốn chung sống với anh nữa thì chị N tự ly hôn đơn phương chứ anh xác định bản thân anh không bỏ vợ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Hoàng Huy V, sinh ngày 06/11/2014, hiện con đang sống cùng với anh và bố mẹ anh. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu, chị N có cấp dưỡng nuôi con hay không tùy theo nguyện vọng và trách nhiệm của chị N.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H tại địa phương.

Kết quả xác minh tại gia đình bố mẹ đẻ anh H xác định: Sau khi kết hôn chị N và anh H chung sống tại xóm CS, xã NH. Sau khi sinh con được khoảng 01 tuổi, chị N có đi làm Công ty, thời gian đầu 1,2 tuần chị N có về thăm nhà một lần, sau đó là 3,4 tháng thậm chí nửa năm mới về một lần. Từ năm 2017 đến nay chị N chỉ về thăm nhà duy nhất một lần rồi lại đi. Từ khi đi làm chị N không có trách nhiệm gì với gia đình, chồng con. Hiện tại, chị N muốn ly hôn là do chị N tự nguyện chứ gia đình không ai ép buổi hay đuổi chị N đi.

Chính quyền địa phương xác định: Nội dung Tòa án xác minh được tại gia đình bố mẹ đẻ anh H là hoàn toàn chính xác. Từ khi đi làm Công ty, chị N ít khi về thăm nhà, từ năm 2017 trở về đây thì không thấy có mặt ở địa phương. Quá trình chung sống anh H lầm lì, ít nói, ngoài ra hai vợ chồng còn quá trẻ, chưa suy nghĩ được chính chắn nên mới sảy ra việc chị N xin ly hôn.

[4] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, giai đoạn chuẩn bị xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn và bị đơn đều đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật TTDS..

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và tại phiên tòa xét xử ngày hôm nay, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 174, 177, 220, 227, 228; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị N, cho chị Phùng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Giao con chung là Hoàng Huy V, sinh ngày 06/11/2014, cho anh Htrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng, mức cấp dưỡng bằng tiền là 1.000.000 đ (một triệu đồng)/ 1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Chị Phùng Thị N phải nộp 300,000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Phùng Thị N với bị đơn anh Hoàng Văn H, cùng nơi cư trú: Xã NH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phùng Thị N, bị đơn anh Hoàng Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị N và anh Hoàng Văn H kết hôn với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TU, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm CS, xã NH, huyện ĐH. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu không sảy ra nhiều mâu thuẫn, kể từ khi chị N đi làm Công ty ở ngoài thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Phía chị N thì cho rằng gia đình chồng và chồng hay chỉ trích mình không quan tâm tới gia đình, đi ra ngoài trai gái, anh H trong cuộc sống rất lầm lì, ít nói, không có tình cảm với vợ, không quan tâm gì tới vợ khi vợ đi làm. Hiện tại xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị ly hôn với anh H. Phía anh H và gia đình thì cho rằng chị N không có trách nhiệm với chồng con gia đình, từ khi đi làm ít khi về thăm nhà, thăm con, hiện chị N muốn ly hôn là quyền tự nguyện của chị N, anh và gia đình không ai ép buộc hay đuổi chị N đi.

Qua đó, Hội đồng xét xử xác định cuộc hôn nhân giữa chị N và anh H hiện lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân anh H không đồng ý thuận tình ly hôn với chị N nhưng cũng không có ý muốn níu kéo, anh xác định chị N muốn ly hôn với anh thì tùy vào sự quyết định của chị N. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh H có 01 con chung là Hoàng Huy V, sinh ngày 06/11/2014, hiện con đang sống cùng anh H. Quá trình giải quyết vụ án hai bên đương sự đều thống nhất sau khi ly hôn anh H sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị N sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

HĐXX xét thấy, việc thống nhất giữa chị N và anh H là hoàn toàn tự nguyện, hơn nữa hiện tại cháu V đang sống cùng anh H cuộc sống ổn định do vậy cần giao cháu V cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng để nuôi con chung cùng anh H hàng tháng, số tiền cấp dưỡng là 1.000.000đ/1 tháng tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Phùng Thị N phải chịu 300,000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 175, 177, 196, 220, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Phùng Thị N, cho chị Phùng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Huy V, sinh ngày 06/11/2014 cho anh Hoàng Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phùng Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng bằng tiền là 1.000.000 đ (một triệu đồng)/ 1 tháng cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thị hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị Phùng Thị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Phùng Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HN&GĐ sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016025 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị Phùng Thị N phải chịu thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sử công khai vắng mặt nguyên đơn (chị N), bị đơn (anh H). Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Thị Thủy
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã TU, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã NH, huyện ĐH;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.